



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
SẢN XUẤT VIỆT HÀN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/QĐ-SGDHCM ngày 09/01/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VHG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 09/01/2008.

Ngày 01/04/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 104/2013/QĐ-SGDHCM về việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu VHG từ ngày 03/04/2013. Ngày 09/04/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 137/2013/QĐ-SGDHCM đưa cổ phiếu VHG ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch và cho phép cổ phiếu VHG được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát (chỉ được giao dịch 15 phút của đợt khớp lệnh xác định giá đóng cửa) kể từ ngày 11/04/2013.

Ngày 22/10/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 356/2013/QĐ-SGDHCM về việc đưa cổ phiếu VHG ra khỏi diện kiểm soát, chuyển sang diện cảnh báo kể từ ngày 25/10/2013.

**Vốn điều lệ:** 375.000.000.000 đồng.

### **Các Công ty con**

#### **✓ Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam**

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000790443 ngày 23/12/2010
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng (trong đó Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và Công ty Dịch vụ & Đầu tư Quê Việt (Canada) chiếm 35% vốn điều lệ). Ngày 01/11/2013, Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ cấu vốn là Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và ông Nguyễn Đình Bằng chiếm 35% điều lệ. Tại ngày 31/12/2013, vốn thực đã góp của các cổ đông là 65 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty là 55 tỷ đồng và của bà Nguyễn Thị Lan Anh là 10 tỷ đồng. Hiện Công ty đang gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Quảng Nam để điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh.

#### **✓ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Việt Hàn**

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000927338 ngày 12/04/2013

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 1, Xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm chịu lửa, xi măng, vôi, thạch cao, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, sản phẩm gốm sứ khác.
- Vốn điều lệ: 30,5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 30 tỷ. Ngày 30/09/2013, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Hàn cho các cổ đông khác.

### **✓ Công ty Cổ phần Khoáng sản Việt Hàn**

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 21/02/2014.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam.
- Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 40,8 tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn góp vốn bằng tiền 60 tỷ đồng, chiếm 75% vốn điều lệ.

### **✓ Công ty Cổ phần Cao su Việt Hàn**

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất săm lốp cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 76 tỷ đồng). Đến thời điểm 31/12/2013, mới chỉ có Công ty góp vốn 76 tỷ đồng.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510 3947234
- Fax: (84) 0510 3946333
- Email: [vhc@viet-hancorp.com.vn](mailto:vhc@viet-hancorp.com.vn)
- Website: <http://www.vhg.com.vn>

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bia;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2013 là 7 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 7 người. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### ***Hội đồng quản trị***

- |                         |                   |  |
|-------------------------|-------------------|--|
| • Ông Phạm Dũng Tiến    | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm lại ngày 31/08/2013                               |
| • Ông Đinh Công Trạng   | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 31/08/2013 |
| • Ông Huỳnh Tấn Chung   | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 18/05/2013 |
| • Ông Trần Xuân Hiếu    | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 18/05/2013                                   |
| • Bà Đinh Thị Thúy Hạnh | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 28/04/2012                                   |
| • Ông Nguyễn Tiến Lực   | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 18/05/2013                                   |
| • Ông Nguyễn Thắng Lợi  | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 31/08/2013                                   |
| • Ông Lê Kông Minh      | Ủy viên           | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 18/05/2013 |
| • Ông Phạm Hữu Xuân     | Ủy viên           | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 18/05/2013 |
| • Ông Nguyễn Trọng Bằng | Ủy viên           | Bổ nhiệm ngày 18/05/2013<br>Miễn nhiệm ngày 31/08/2013     |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                         |            |  |
|-------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Phương  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18/05/2013                                   |
| • Ông Doãn Văn Thụy     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 18/05/2013     |
| • Ông Nguyễn Đình Quyết | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 28/04/2012                                   |
| • Ông Lê Đức Minh       | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 18/05/2013                                   |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp    | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 18/05/2013 |

### ***Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                         |                   |  |
|-------------------------|-------------------|--|
| • Ông Trần Xuân Hiếu    | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 23/05/2013                               |
| • Ông Huỳnh Tấn Chung   | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/01/2006<br>Miễn nhiệm ngày 23/05/2013 |
| • Ông Nguyễn Đông       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2010<br>Miễn nhiệm ngày 29/10/2013 |
| • Bà Đinh Thị Thúy Hạnh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/06/2013                               |
| • Ông Lê Khiếu Phương   | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 23/05/2013                               |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 01/02/2010  
Miễn nhiệm ngày 23/05/2013

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC ((Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### **Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Xuân Hiếu**

Quảng Nam, ngày 10 tháng 03 năm 2014



Số: 150/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08/03/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

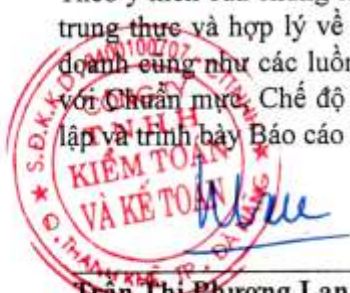
Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Trần Thị Phương Lan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-010-1

  
**Đinh Thị Ngọc Thùy**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 – DN/HN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141.558.689.076</b>	<b>170.376.374.567</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>29.504.848.389</b>	<b>6.603.409.430</b>
1. Tiền	111		29.504.848.389	4.378.879.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.224.529.504
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.752.298.500</b>	<b>2.889.842.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.040.156.522	5.239.888.522
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(287.858.022)	(2.350.046.522)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>99.775.762.726</b>	<b>86.823.790.468</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		37.605.143.574	43.021.114.599
2. Trả trước người bán	132	7	17.412.183.960	9.900.666.428
3. Các khoản phải thu khác	135	8	58.743.305.940	40.244.905.310
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(13.984.870.748)	(6.342.895.869)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>681.959.156</b>	<b>68.752.312.482</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	681.959.156	70.048.345.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.296.032.559)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.843.820.305</b>	<b>5.307.020.187</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	56.999.251	300.512.098
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.108.658.061	28.190.729
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154		37.834.494	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.640.328.499	4.978.317.360
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>421.391.255.917</b>	<b>328.587.765.470</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.648.466.143</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	12	16.648.466.143	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.527.432.863</b>	<b>202.219.206.010</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.531.049.120	90.963.147.117
- Nguyên giá	222		20.519.605.935	214.952.531.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.988.556.815)	(123.989.384.875)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	205.575.275	35.067.761.576
- Nguyên giá	228		675.311.099	36.469.758.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(469.735.824)	(1.401.996.523)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	158.790.808.468	76.188.297.317
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>91.231.587.676</b>	<b>119.644.162.842</b>
- Nguyên giá	241		91.231.587.676	120.298.517.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(654.354.342)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>85.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		85.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64.983.769.235</b>	<b>6.724.396.618</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	64.983.769.235	4.624.396.618
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	2.100.000.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>562.949.944.993</b>	<b>498.964.140.037</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>99.228.594.971</b>	<b>140.102.263.677</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.228.594.971</b>	<b>133.102.263.677</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	61.620.002.110	108.261.998.599
2. Phải trả người bán	312		10.698.147.160	14.093.430.909
3. Người mua trả tiền trước	313		5.541.308.515	4.025.333.071
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	10.724.054.802	969.575.657
5. Phải trả người lao động	315		380.919.995	1.925.836.279
6. Chi phí phải trả	316	21	2.092.927.021	421.522.251
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	8.139.189.702	3.305.521.245
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.045.666	99.045.666
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	7.000.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>433.879.321.550</b>	<b>358.861.876.360</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>433.879.321.550</b>	<b>358.861.876.360</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	375.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	50.000.000.000	175.000.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	23	8.879.321.550	(66.138.123.640)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>29.842.028.472</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>562.949.944.993</b>	<b>498.964.140.037</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại (USD)	940,69	940,01



**Trần Xuân Hiếu**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

**Kế toán trưởng**

**Lê Khiếu Phương**

**Người lập biểu**

**Trương Văn Thịnh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Mẫu số B 02 – DN/HN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

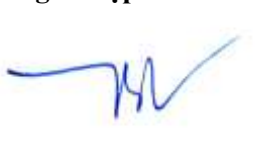
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>186.935.111.658</b>	<b>168.617.548.667</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	24	344.309.164	330.978.189
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	186.590.802.494	168.286.570.478
4. Giá vốn hàng bán	11	25	178.529.345.908	160.125.231.708
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.061.456.586</b>	<b>8.161.338.770</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	81.403.490.450	1.548.753.417
7. Chi phí tài chính	22	27	11.518.382.937	16.046.483.610
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.700.425.212	16.697.068.553
8. Chi phí bán hàng	24		6.784.887.076	10.976.692.430
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.796.981.040	16.896.995.723
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>50.364.695.983</b>	<b>(34.210.079.576)</b>
11. Thu nhập khác	31	28	82.029.812.235	314.494.099
12. Chi phí khác	32	29	38.874.603.476	2.187.048.495
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>43.155.208.759</b>	<b>(1.872.554.396)</b>
<b>14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>30</b>	<b>93.519.904.742</b>	<b>(36.082.633.972)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.660.431.080	74.613.944
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>82.859.473.662</b>	<b>(36.157.247.916)</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	30	(142.754.120)	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	30	83.002.227.782	(36.157.247.916)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.213	(1.446)

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Xuân Hiếu**

**Kế toán trưởng**

  
**Lê Khiếu Phương**

**Người lập biểu**

  
**Trương Văn Thịnh**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Mẫu số B 03 – DN/HN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	216.309.669.546	212.695.972.933
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(182.090.507.296)	(154.254.115.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.452.393.804)	(19.176.037.552)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(11.749.379.126)	(17.594.698.701)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(74.613.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.552.430.158	3.905.061.945
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.612.819.569)	(19.525.588.344)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.956.999.909</b>	<b>5.975.980.435</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(87.271.726.233)	(5.345.183.520)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.896.363.636	209.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.660.000.000)	(1.320.782.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.320.782.000	420.110.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(92.819.110.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	218.617.311.684	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	651.346.501	762.047.337
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>42.734.967.588</b>	<b>(5.274.717.274)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.139.361.602	133.542.123.734
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(179.890.243.712)	(132.557.748.022)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.937.500)	(173.748.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(33.790.819.610)</b>	<b>810.626.812</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>22.901.147.887</b>	<b>1.511.889.973</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.603.409.430</b>	<b>5.091.545.786</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	291.072	(26.329)
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>29.504.848.389</b>	<b>6.603.409.430</b>



**Trần Xuân Hiếu**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

**Kế toán trưởng**

**Lê Khiếu Phương**

**Người lập biểu**

**Trương Văn Thịnh**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 bao gồm Công ty mẹ và 4 Công ty con.

Các công ty con được hợp nhất:

### ✓ Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000790443 ngày 23/12/2010
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng (trong đó Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và Công ty Dịch vụ & Đầu tư Quê Việt (Canada) chiếm 35% vốn điều lệ). Ngày 01/11/2013, Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ cấu vốn là Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và ông Nguyễn Đình Bảng chiếm 35% điều lệ. Tại ngày 31/12/2013, vốn thực đã góp của các cổ đông là 65 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty là 55 tỷ đồng và của bà Nguyễn Thị Lan Anh là 10 tỷ đồng. Hiện Công ty đang gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Quảng Nam để điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh.

### ✓ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000927338 ngày 12/04/2013
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 1, Xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm chịu lửa, xi măng, vôi, thạch cao, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, sản phẩm gốm sứ khác.
- Vốn điều lệ: 30,5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 30 tỷ. Ngày 30/09/2013, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Hàn cho các cổ đông khác.

### ✓ Công ty Cổ phần Khoáng sản Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 21/02/2014.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 40,8 tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn góp vốn bằng tiền 60 tỷ đồng, chiếm 75% vốn điều lệ.

### ✓ Công ty Cổ phần Cao su Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất sản phẩm cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 76 tỷ đồng). Đến thời điểm 31/12/2013, mới chỉ có Công ty góp vốn 76 tỷ đồng.

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

#### **Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phân lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 - 7

### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

#### **Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Phần mềm máy tính	3

### **4.10 Bất động sản đầu tư**

#### **Nguyên giá**

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.14 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cáp quang, cáp điện, ống nhựa, sản phẩm FRP, vật liệu xây dựng. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
  - ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cáp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và Dự án này giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014). Từ ngày 01/07/2013, Công ty chấm dứt hoạt động sản xuất trong lĩnh vực này, do đó các ưu đãi đầu tư liên quan đến dự án này đã chấm dứt.
  - ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư: Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- **Tiền thuê đất:**
  - + Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty và Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN: Công ty thuê tổng cộng 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m<sup>2</sup>/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
  - + Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty và Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN: Công ty thuê tổng cộng 43.800m<sup>2</sup> đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m<sup>2</sup>/năm. Tiền thuê đất trả 6 năm một lần.
- **Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.055.765.899	1.100.331.928
Tiền gửi ngân hàng	28.449.082.490	3.278.547.998
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	2.224.529.504
<b>Cộng</b>	<b>29.504.848.389</b>	<b>6.603.409.430</b>

## 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn	3.040.156.522	5.239.888.522
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	380.156.522	3.639.106.522
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.660.000.000	1.320.782.000
- Cho vay ngắn hạn	-	280.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(287.858.022)	(2.350.046.522)
	<b>2.752.298.500</b>	<b>2.889.842.000</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(\*) Là các cổ phiếu đã niêm yết, giá trị sổ sách và việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thể hiện như bảng sau:

<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị sổ sách</b>	<b>ĐG sổ sách</b>	<b>Thị giá</b>	<b>CP dự phòng</b>
	<b>CP</b>	<b>VND</b>	<b>VND/CP</b>	<b>VND/CP</b>	<b>VND</b>
VMG (@)	20.000	350.000.000	17.500	4.300	264.000.000
VPH	741	30.156.522	40.697	8.500	23.858.022
<b>Cộng</b>		<b>380.156.522</b>			<b>287.858.022</b>

(@) Cổ phiếu VMG của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu bị hủy niêm yết từ ngày 27/7/2012. Công ty không thu thập được các Báo cáo tài chính từ khi bị hủy niêm yết của Công ty này nên dự phòng được lập căn cứ vào giá giao dịch của cổ phiếu vào thời điểm hủy niêm yết.

### **7. Trả trước cho người bán**

Trong tổng nợ trả trước cho người bán có các khoản nợ sau:

- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội**, số tiền: 3.000.000.000 đồng để chuẩn bị đầu tư dự án “Phá dỡ, xây dựng lại nhà G khu tập thể Thành công” theo Biên bản thỏa thuận số 01/HAS-VHG về hợp tác đầu tư ngày 10/03/2008. Theo biên bản thỏa thuận, tiến độ dự án là đến tháng 6 năm 2011 sẽ kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên, cho đến nay dự án vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty hiện đang tiến hành đàm phán với Công ty cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội để tiến hành thanh lý Biên bản thỏa thuận đã ký.
- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Tư vấn Handic**, số tiền: 4.500.000.000 đồng để thực hiện “Dự án đầu tư phá dỡ, xây dựng mới các nhà chung cư cũ khu B, khu tập thể Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội” theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2007/HĐHTĐT-HD-VH ngày 20/11/2007. Theo hợp đồng, tiến độ dự án là đến quý 4/2010 sẽ kết thúc đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đến nay dự án đã không đạt được tiến độ đề ra ban đầu. Công ty hiện đang tiến hành đàm phán với Công ty cổ phần Tư vấn Handic để tiến hành thanh lý hợp đồng đã ký.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**8. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đình Công Trạng	-	16.423.433.520
Võ Phạm Thị Thương (i)	5.053.000.000	23.100.000.000
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	665.618.333	385.618.333
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Cty CP Kim Tín	19.500.000.000	
- Vũ Thị Lệ	2.850.000.000	
- Dương Thị Hào	3.850.000.000	
- Phạm Văn Hà	3.160.000.000	
- Nguyễn Thị Lan	4.000.000.000	
- Thái Thị Kim Oanh	2.200.000.000	
- Đặng Anh Quân	3.440.000.000	
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Cty CP VLXD Việt Hàn	15.000.000.000	
- Nguyễn Thị Anh Xuân	5.000.000.000	
- Trịnh Thị Hương	5.000.000.000	
- Phạm Tiến Đạt	5.000.000.000	
Lê Thị Lan Anh (Phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam)	9.000.000.000	
Đình Văn Chính (Tiền lãi cho vay)	13.631.713	13.631.713
Lãi dự thu	249.744.000	116.642.926
Đặt cọc mua mỏ khoáng sản (ii)	6.900.000.000	
Phải thu khác	2.361.311.894	205.578.818
<b>Cộng</b>	<b>58.743.305.940</b>	<b>40.244.905.310</b>

(i) Công ty TNHH Quê Việt là doanh nghiệp do Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quê Việt – Canada (Quê Việt – Canada) sở hữu 100% vốn điều lệ, được UBND Tỉnh Quảng Nam cấp phép đầu tư Dự án bất động sản – du lịch (Villa, căn hộ và khách sạn) tại Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Theo Biên bản ghi nhớ ngày 08/09/2010, hai bên sẽ thành lập Công ty con là Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam (90% vốn của Công ty và 10% vốn của Quê Việt - Canada) để tiếp quản dự án nêu trên từ Công ty TNHH Quê Việt và Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Quê Việt - Canada số tiền 2.500.000 USD. Công ty đã thanh toán cho Bà Võ Phạm Thị Thương (Chủ sở hữu Quê Việt – Canada) 23.100.000.000 đồng. Đến năm 2013, Biên bản ghi nhớ nêu trên không thực hiện được như thỏa thuận ban đầu, bà Võ Phạm Thị Thương đã hoàn trả lại một phần số tiền đã tạm ứng là 18.047.000.000 đồng.

(ii) Là khoản tiền đặt cọc để thực hiện Hợp đồng số 01/HTKD/VHM về việc “Hợp tác đầu tư kinh doanh mỏ đá Felspat” giữa Công ty CP Khoáng sản Việt Hàn với Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	681.959.156	17.921.837.604
Công cụ dụng cụ	-	754.739.836
Chi phí SXKD dở dang	-	16.954.141.679
Thành phẩm	-	33.278.067.642
Hàng hóa	-	1.139.558.280
<b>Cộng</b>	<b>681.959.156</b>	<b>70.048.345.041</b>

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí bảo hiểm, tiền thuê nhà, chi phí quảng cáo,...	56.999.251	300.512.098
<b>Cộng</b>	<b>56.999.251</b>	<b>300.512.098</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	2.339.061.997	3.881.165.856
Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	301.266.502	1.097.151.504
<b>Cộng</b>	<b>2.640.328.499</b>	<b>4.978.317.360</b>

**12. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đình Công Trạng (i)	16.648.466.143	-
	<b>16.648.466.143</b>	<b>-</b>

Đây là khoản nợ mà ông Đình Công Trạng cam kết chịu trách nhiệm cá nhân đối với tổn thất liên quan đến việc kinh doanh thép phế liệu với đối tác nước ngoài theo Giấy xác nhận nợ, cam kết trách nhiệm số 3006/BB ngày 30/06/2011. Thời hạn thanh toán khoản công nợ này là 31/12/2015. Từ ngày 16/01/2014 đến 18/01/2014, ông Trạng đã thanh toán 16 tỷ đồng trong số nợ nêu trên.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>P.tiện vận tải truyền dẫn VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>TSCĐ khác VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	54.053.220.798	145.199.728.572	5.255.523.935	1.749.987.641	8.694.071.046	214.952.531.992
Mua sắm trong năm	-	64.110.740	173.000.000	-	-	237.110.740
Chuyển góp vốn	21.163.304.438	51.282.629.528	3.560.924.161	152.450.500	4.677.031.089	80.836.339.716
T/lý, nhượng bán	-	68.354.233.602	389.399.159	-	14.700.000	68.758.332.761
Chuyển CCDC	239.478.234	300.683.719	66.963.181	1.239.859.973	830.816.890	2.677.801.997
Giảm do HN	17.342.899.611	23.432.334.843	355.550.952	-	1.266.776.917	42.397.562.323
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.307.538.515</b>	<b>1.893.957.620</b>	<b>1.055.686.482</b>	<b>357.677.168</b>	<b>1.904.746.150</b>	<b>20.519.605.935</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	27.330.064.086	82.357.526.856	4.680.253.579	1.550.550.711	8.070.989.643	123.989.384.875
Khấu hao trong năm	3.201.898.477	6.029.555.825	307.541.823	53.125.447	155.371.707	9.747.493.279
Chuyển góp vốn	11.092.133.266	26.375.706.988	3.374.964.768	152.450.500	4.593.407.111	45.588.662.633
T/lý, nhượng bán	-	51.774.073.329	389.399.159	-	14.700.000	52.178.172.488
Chuyển CCDC	92.469.558	112.771.277	66.963.181	1.146.352.040	768.913.429	2.187.469.485
Giảm do HN	7.445.923.546	9.058.978.020	344.520.507	-	944.594.660	17.794.016.733
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.901.436.193</b>	<b>1.065.553.067</b>	<b>811.947.787</b>	<b>304.873.618</b>	<b>1.904.746.150</b>	<b>15.988.556.815</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	26.723.156.712	62.842.201.716	575.270.356	199.436.930	623.081.403	90.963.147.117
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.406.102.322</b>	<b>828.404.553</b>	<b>243.738.695</b>	<b>52.803.550</b>	<b>-</b>	<b>4.531.049.120</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2013: 2.156.986.955 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 31/12/2013: 0 đồng.

Toàn bộ tài sản cố định là máy móc thiết bị của Nhà máy cấp đồng không sử dụng, Công ty đã thực hiện thanh lý.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	35.891.859.000	577.899.099	36.469.758.099
Tăng trong năm	-	205.200.000	205.200.000
Giảm trong năm (@)	35.891.859.000	107.788.000	35.999.647.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	874.140.437	527.856.086	1.401.996.523
Khấu hao trong năm	-	49.667.738	49.667.738
Giảm trong năm (@)	874.140.437	107.788.000	981.928.437
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>469.735.824</b>	<b>469.735.824</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	35.017.718.563	50.043.013	35.067.761.576
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>205.575.275</b>	<b>205.575.275</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2013: 407.711.099 đồng.

@ Tài sản cố định vô hình giảm là Quyền sử dụng đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

### **15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án trồng cao su	115.156.993.001	50.932.280.379
Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	13.476.200.655	13.465.170.780
Dự án khoáng sản	1.648.303.424	1.648.303.424
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hường	19.000.000.000	
Khu du lịch nghỉ dưỡng	240.909.091	874.140.437
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272.025.083	272.025.083
<b>Cộng</b>	<b>158.790.808.468</b>	<b>76.188.297.317</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **16. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	120.147.187.676	151.329.508	120.298.517.184
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm (@)	28.915.600.000	151.329.508	29.066.929.508
<b>Số cuối năm</b>	<b>91.231.587.676</b>	<b>-</b>	<b>91.231.587.676</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	503.024.834	151.329.508	654.354.342
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm (@)	503.024.834	151.329.508	654.354.342
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	119.644.162.842	-	119.644.162.842
<b>Số cuối năm</b>	<b>91.231.587.676</b>	<b>-</b>	<b>91.231.587.676</b>

Giá trị còn lại của Tài sản cố định đang cầm cố thế chấp khoản vay tại ngày 31/12/2013 là 91.231.587.676 đồng.

@ Bất động sản đầu tư giảm là Quyền sử dụng đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là bất động sản đầu tư.

### **17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>		<b>31/12/2012</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Giá trị VND</b>
Dầu tư dài hạn khác		85.000.000.000	-	-
- Công ty CP Khai thác và Chế biến khoáng sản Quảng Nam	6.000.000	60.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ		25.000.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại 31/12/2013, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không thu được nguồn dữ liệu tham khảo nào về việc giảm giá của các cổ phiếu này làm cơ sở của việc trích lập dự phòng. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam và Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó Công ty không lập dự phòng tổn thất vốn đầu tư vào các Công ty này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **18. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	-	219.605.040
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	-	14.176.636
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	-	3.192.018.642
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	-	447.621.641
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	741.768.823	750.974.659
Chi phí thuê đất (@)	64.242.000.412	
<b>Cộng</b>	<b>64.983.769.235</b>	<b>4.624.396.618</b>

(@) Là tiền thuê đất trả trước cho toàn bộ thời gian thuê tại Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, bao gồm:

- ✓ Đất xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ du lịch: 29.333 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê: 50 năm, bắt đầu từ năm 2012.
- ✓ Đất xây dựng biệt thự kinh doanh bất động sản: 12.572 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê: 70 năm, bắt đầu từ năm 2012.

### **19. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	61.620.002.110	108.261.998.599
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Nam	3.856.247.240	87.668.454.669
- Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam	56.813.754.870	20.593.543.930
- Nguyễn Thắng Lợi	800.000.000	-
- Trần Văn Thuận	150.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>61.620.002.110</b>	<b>108.261.998.599</b>

### **20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	21.360.000	827.457.971
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.660.431.080	-
Thuế Thu nhập cá nhân	42.263.722	137.069.886
Thuế tài nguyên	-	3.535.260
Các loại thuế khác	-	1.512.540
<b>Cộng</b>	<b>10.724.054.802</b>	<b>969.575.657</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### **21. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	84.692.364	133.646.278
Chi phí thuê đất	2.008.234.657	-
Chi phí phải trả khác	-	287.875.973
<b>Cộng</b>	<b><u>2.092.927.021</u></b>	<b><u>421.522.251</u></b>

### **22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	73.735.455	157.297.307
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	42.813.915	292.790.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.022.640.332	2.855.433.818
- Phải trả cổ tức	7.543.650.600	83.588.100
- Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng	-	2.193.364.802
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	478.989.732	578.480.916
<b>Cộng</b>	<b><u>8.139.189.702</u></b>	<b><u>3.305.521.245</u></b>

### **23. Vốn chủ sở hữu**

#### **a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá</b>	<b>LLNST chưa phân phối VND</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.980.875.724)
Tăng trong năm			49.622.854	(36.157.247.916)
Giảm trong năm			49.622.854	
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b><u>250.000.000.000</u></b>	<b><u>175.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(66.138.123.640)</u></b>
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(66.138.123.640)
Tăng trong kỳ	125.000.000.000		295.447.579	83.002.227.782
Điều chỉnh hợp nhất				15.217.408
Giảm trong kỳ		125.000.000.000	295.447.579	8.000.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b><u>375.000.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>8.879.321.550</u></b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **b. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### **c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(66.138.123.640)	(29.980.875.724)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	83.002.227.782	(36.157.247.916)
Điều chỉnh hợp nhất	15.217.408	
Phân phối lợi nhuận	8.000.000.000	
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	8.000.000.000	-
- Chia lãi cho các cổ đông	7.500.000.000	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	500.000.000	
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b><u>8.879.321.550</u></b>	<b><u>(66.138.123.640)</u></b>

(i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 453 ngày 31/12/2013 của Hội đồng Quản trị.

### **d. Cổ tức**

Ngày 4/11/2013, Hội đồng quản trị công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013 với tỷ lệ 3%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/11/2013, thời gian thực hiện: 30/12/2013. Ngày 23/12/2013, Công ty đã thông báo điều chỉnh ngày chi trả cổ tức thành ngày 15/01/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**24. Doanh thu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>186.935.111.658</b>	<b>168.617.548.667</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm	88.084.414.674	144.900.012.691
+ Doanh thu bán hàng hóa	98.850.696.984	23.717.535.976
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>344.309.164</b>	<b>330.978.189</b>
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	344.309.164	330.978.189
<b>Cộng</b>	<b><u><u>186.590.802.494</u></u></b>	<b><u><u>168.286.570.478</u></u></b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.183.516.058	137.851.953.212
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.641.862.409	22.329.846.024
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.296.032.559)	(56.567.528)
<b>Cộng</b>	<b><u><u>178.529.345.908</u></u></b>	<b><u><u>160.125.231.708</u></u></b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	659.609.900	676.412.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.837.675	116.510.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	233.161.585	758.253
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	79.834.211.881	-
- Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhựa Kim Tín (i)	43.200.000.000	-
- Khoản đầu tư vào Công ty CP VLXD Việt Hàn (ii)	31.634.211.881	-
- Khoản đầu tư vào Cty TNHH Quê Việt Quảng Nam (iii)	5.000.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	551.669.409	755.005.131
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		67.120
<b>Cộng</b>	<b><u><u>81.403.490.450</u></u></b>	<b><u><u>1.548.753.417</u></u></b>

(i) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 14.400.000 cổ phần tại Công ty CP Nhựa Kim Tín.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(ii) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần tại công ty CP VLXD Việt Hàn

(iii) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 10.000.000.000 đồng vốn góp tại Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam.

### **27. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	11.700.425.212	16.697.068.553
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.062.188.500)	(5.608.539.478)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	235.157.944	499.809.322
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.643.650.000	4.448.201.669
Chi phí tài chính khác	1.338.281	9.943.544
<b>Cộng</b>	<b>11.518.382.937</b>	<b>16.046.483.610</b>

### **28. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn	401.525.694	209.090.909
Thanh lý tài sản cố định	4.896.363.636	-
Thanh lý thành phẩm cấp đồng, vật tư, phế liệu	11.361.136.364	105.403.190
Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn	64.047.292.345	-
- Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn vào Công ty CP Nhựa Kim Tín (*)	62.859.660.041	-
- Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn vào Công ty CP VLXD Việt Hàn	1.187.632.304	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	720.000.000	-
Thu nhập từ cho đơn vị khác sử dụng điện	176.294.196	-
Thu nhập từ bán cũi tận dụng	427.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>82.029.812.235</b>	<b>314.494.099</b>

(\*) Là thu nhập từ việc đánh giá lại tài sản góp vốn vào Công ty CP Nhựa Kim Tín theo Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 30/06/2013. Biên bản này được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá 18/2013-GNT-TĐG ngày 15/06/2013 của Công ty TNHH Tư vấn GNT Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 (Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**29. Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	1.041.036.040	1.285.170.498
Chi phí thanh lý các tài sản dài hạn	401.525.694	199.347.116
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	16.580.160.273	-
Chi phí thanh lý vật tư, bán phế liệu	18.313.913.592	193.763.167
Chi phí khác	1.959.595.442	508.767.714
Chi phí liên quan cho thuê tài sản	458.441.875	-
Chi phí liên quan thu nhập tiền điện	119.930.560	-
<b>Cộng</b>	<b>38.874.603.476</b>	<b>2.187.048.495</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>93.519.904.742</b>	<b>(36.082.633.972)</b>
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi		
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi		
Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế	1.702.608.274	6.842.043.008
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.461.657.830	6.959.311.261
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	451.851.213	167.430.067
- CP khấu hao Nhà máy cấp đồng ngừng sản xuất	3.006.010.178	5.506.710.696
- Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	3.796.439	1.285.170.498
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.759.049.556	117.268.253
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	758.253
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.837.675	116.510.000
- Lãi thanh lý công ty con	1.634.211.881	-
Tổng thu nhập chịu thuế chưa trừ chuyển lỗ	95.222.513.016	(29.240.590.964)
Chuyển lỗ	(54.881.294.945)	
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi trừ chuyển lỗ	40.341.218.071	(29.240.590.964)
Lỗ tại các công ty con	(2.300.506.253)	
Lãi tại các công ty con	20.926.653	
Thu nhập chịu thuế Công ty mẹ	42.620.797.671	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.660.431.080	74.613.944
- Chi phí thuế TNN hiện hành năm nay	10.660.431.080	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	74.613.944
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>82.859.473.662</b>	<b>(36.157.247.916)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(142.754.120)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>83.002.227.782</b>	<b>(36.157.247.916)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.002.227.782	(36.157.247.916)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	83.002.227.782	(36.157.247.916)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.500.000	25.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.213</b>	<b>(1.446)</b>

### 32. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.303.299.089	109.618.039.333
Chi phí nhân công	11.061.661.246	20.336.073.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.640.574.324	19.744.353.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.398.150.952	18.662.028.968
Chi phí khác bằng tiền	12.746.476.106	4.911.525.110
<b>Cộng</b>	<b>96.150.161.717</b>	<b>173.272.019.651</b>

### 33. Công cụ tài chính

#### a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này,

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	940,69	940,01
Phải thu khách hàng	53.607,69	53.607,69
Phải thu khác	789.588,15	789.588,15
Tài sản tài chính khác	11.571,20	7.815,52
<b>Cộng</b>	<b>855.707,73</b>	<b>851.951,37</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Nợ phải trả người bán	135.875,92	54.248,86
Nợ vay		395.105,64
	<b>135.875,92</b>	<b>449.354,50</b>

### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào. Để quản lý rủi ro, Công ty lên dự toán nhập mua nguyên vật liệu, theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất; đồng thời dự trữ hàng hóa ở mức thích hợp để giảm rủi ro biến động giá.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, khởi kiện dân sự.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi,

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	61.620.002.110	0	61.620.002.110
Phải trả người bán	10.698.147.160		10.698.147.160
Chi phí phải trả	2.092.927.021		2.092.927.021
Phải trả khác	8.022.640.332		8.022.640.332
<b>Cộng</b>	<b>82.433.716.623</b>	<b>-</b>	<b>82.433.716.623</b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	108.261.998.599	7.000.000.000	115.261.998.599
Phải trả người bán	14.093.430.909		14.093.430.909
Chi phí phải trả	421.522.251		421.522.251
Phải trả khác	2.855.433.818		2.855.433.818
<b>Cộng</b>	<b>125.632.385.577</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>132.632.385.577</b>

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.504.848.389		29.504.848.389
Phải thu khách hàng	24.019.991.517		24.019.991.517
Đầu tư tài chính	2.752.298.500	85.000.000.000	87.752.298.500
Phải thu khác	58.357.687.607	16.648.466.143	75.006.153.750
Tài sản tài chính khác	301.266.502	-	301.266.502
<b>Cộng</b>	<b>114.936.092.515</b>	<b>101.648.466.143</b>	<b>216.584.558.658</b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.603.409.430		6.603.409.430
Phải thu khách hàng	40.110.267.462		40.110.267.462
Đầu tư tài chính	2.889.842.000		2.889.842.000
Phải thu khác	16.759.286.977		16.759.286.977
Tài sản tài chính khác	1.097.151.504	2.100.000.000	3.197.151.504
<b>Cộng</b>	<b>67.459.957.373</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>69.559.957.373</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**34. Báo cáo bộ phận**

**Năm 2013**

**Đơn vị tính: VND**

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty	Nhà máy Cấp viễn thông	Nhà máy Cấp điện	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Công nghệ vật liệu	Cộng
Doanh thu	88.364.384.819	32.930.597.480	7.796.557.050	47.863.652.935	146.510.550	9.833.408.824	186.935.111.658
Các khoản giảm trừ doanh thu	25.685.900	-	224.932.392	22.949.872	70.741.000	-	344.309.164
Giá vốn	87.457.722.771	28.545.560.545	8.612.025.311	39.170.488.399	1.476.612.764	13.266.936.118	178.529.345.908
Tài sản cố định hữu hình	1.310.643.361	3.220.405.760	-	-	-	-	4.531.049.121
- Nguyên giá	3.755.316.269	16.764.289.667	-	-	-	-	20.519.605.936
- Hao mòn	2.444.672.908	13.543.883.907	-	-	-	-	15.988.556.815
Nợ phải thu	20.636.852.039	12.024.979.669	7.808.742.591	12.739.516.976	1.073.617.376	733.618.883	55.017.327.534
Nợ phải trả	4.063.352.476	2.904.631.126	947.055.157	6.790.115.397	663.448.618	870.852.901	16.239.455.675

**Năm 2012**

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty	Nhà máy Cấp viễn thông	Nhà máy Cấp điện	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Công nghệ vật liệu	Cộng
Doanh thu	1.797.456.400	55.404.066.647	30.502.467.292	51.619.749.423	8.127.520.308	21.166.288.597	168.617.548.667
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	13.095.950	47.612.571	200.724.213	-	69.545.455	330.978.189
Giá vốn	1.594.748.489	57.429.347.442	29.467.260.664	43.335.129.328	7.667.208.146	20.631.537.639	160.125.231.708
Tài sản cố định hữu hình	1.798.658.248	29.756.452.244	11.343.426.336	10.810.181.179	9.979.403.222	27.275.025.888	90.963.147.117
- Nguyên giá	5.798.539.080	102.479.241.250	24.570.718.237	22.779.907.348	15.281.899.257	44.042.226.820	214.952.531.992
- Hao mòn	3.999.880.832	72.722.789.006	13.227.291.901	11.969.726.169	5.302.496.035	16.767.200.932	123.989.384.875
Nợ phải thu	17.817.199.080	16.222.086.649	9.921.290.607	4.187.512.716	1.497.534.426	3.276.157.549	52.921.781.027
Nợ phải trả	1.561.852.315	4.687.967.076	2.696.430.248	4.913.687.255	795.627.528	3.463.199.558	18.118.763.980

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **36. Số liệu so sánh**

Là các số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Xuân Hiếu**

**Kế toán trưởng**



**Lê Khiếu Phương**

**Người lập biểu**



**Trương Văn Thịnh**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014